

ANNEX 15-A

SCHEDULE OF VIET NAM

SECTION A: Central Government Entities

Chapter 15 (Government Procurement) shall apply to the entities of the central level of government listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds.

Thresholds:

1. Goods and Services

- From the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam to the end of the fifth year following the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam: 2,000,000 SDR
- From the beginning of the sixth year to the end of the 10th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 1,500,000 SDR
- From the beginning of the 11th year to the end of the 15th year following the entry into force of this Agreement for Viet Nam: 1,000,000 SDR
- From the beginning of the 16th year to the end of the 20th year following the entry into force of this Agreement for Viet Nam: 260,000 SDR
- From the beginning of the 21st year to the end of the 25th year following the entry into force of this Agreement for Viet Nam: 190,000 SDR
- From the beginning of the 26th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 130,000 SDR

2. Construction services

- From the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam to the end of the fifth year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 65,200,000 SDRs
- From the beginning of the sixth year to the end of the 10th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 32,600,000 SDRs
- From the beginning of the 11th year to the end of the 15th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 16,300,000 SDRs
- From the beginning of the 16th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 8,500,000 SDRs

List of Entities:

1. Ministry of Justice (*Bộ Tư pháp*)

- (a) Department of Criminal and Administrative Legislation (*Vụ Pháp luật hình sự - hành chính*)
- (b) Department of Economic-Civil Legislation (*Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế*)
- (c) Department of International Law (*Vụ Pháp luật quốc tế*)
- (d) Department of Legal Dissemination and Education (*Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật*)
- (e) Agency of Judicial Support (*Cục Hỗ trợ tư pháp*)
- (f) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (g) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (h) Department of Emulation and Commendation (*Vụ Thi đua – Khen thưởng*)
- (i) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (j) Department of General Affairs on Legislative Development (*Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật*)
- (k) Agency of National Legal Aid (*Cục Trợ giúp pháp lý*)
- (l) Agency of Child Adoption (*Cục Con nuôi*)
- (m) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch – Tài chính*)
- (n) Directorate of Civil Judgement Enforcement (*Tổng cục Thi hành án dân sự*)
- (o) Agency of Examination of Legal Normative Documents (*Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*)
- (p) Agency of National Registry of Secured Transactions (*Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm*)
- (q) Agency of Information Technology (*Cục Công nghệ thông tin*)
- (r) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
- (s) Agency of National Compensation (*Cục bồi thường nhà nước*)
- (t) The South Agency (*Cục Công tác phía Nam*)
- (u) Agency of Administrative Procedure Control (*Cục Kiểm soát thủ tục hành chính*)
- (v) Agency of Civil Status, Nationality and Authentication (*Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực*)

2. Ministry of Planning and Investment (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (d) Department of Emulation and Reward (*Vụ Thi đua khen thưởng*)
- (e) Department of Cooperatives (*Vụ Hợp tác xã*)
- (f) Department of Finance and Monetary (*Vụ Tài chính tiền tệ*)
- (g) Department of National Economic Issues (*Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân*)

- (h) Public Procurement Agency (*Cục Quản lý đấu thầu*)
- (i) Department of Industrial Economy (*Vụ Kinh tế công nghiệp*)
- (j) Department of Agricultural Economy (*Vụ Kinh tế nông nghiệp*)
- (k) Department of Service Economy (*Vụ Kinh tế dịch vụ*)
- (l) Department of Infrastructure and Urban Centers (*Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị*)
- (m) Department of Economic Zones Management (*Vụ Quản lý các khu kinh tế*)
- (n) Department of Investment Supervision & Appraisal (*Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư*)
- (o) Department of Planning Management (*Vụ Quản lý quy hoạch*)
- (p) Department of Local and Territorial Economy (*Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ*)
- (q) Department of Foreign Economic Relations (*Vụ Kinh tế đối ngoại*)
- (r) Department of Labor, Culture and Social Affairs (*Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội*)
- (s) Department of Science, Education, Natural Resources and Environment (*Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường*)
- (t) Enterprise Development Agency (*Cục Phát triển doanh nghiệp*)
- (u) Foreign Investment Agency (*Cục Đầu tư nước ngoài*)
- (v) Business Registration Management Agency (*Cục Quản lý đăng ký kinh doanh*)
- (w) Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh and Da Nang city (*Văn phòng Bộ, kể cả các VPĐD ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng*)
- (x) National Defense - Security Department (*Vụ Quốc phòng – An ninh*)
- (y) General Statistics Office (*Tổng cục Thống kê*)

3. Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs (*Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Department of Legal Affairs (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (d) Department of Social Insurance (*Vụ Bảo hiểm xã hội*)
- (e) Department of Gender Equality (*Vụ Bình đẳng giới*)
- (f) Department of Labour-Salary (*Vụ Lao động – Tiền lương*)
- (g) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (h) Agency of Overseas Labour (*Cục Quản lý lao động ngoài nước*)
- (i) Agency of Occupational Safety and Health (*Cục An toàn lao động*)
- (j) Agency of Employment (*Cục Việc làm*)
- (k) Agency of Children Protection and Care (*Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em*)

- (l) Department of Planning – Finance (*Vụ Kế hoạch – Tài chính*)
- (m) Agency of the People with Special Contributions to the Country (*Cục Người có công*)
- (n) Agency of Social Evil Prevention (*Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội*)
- (o) Agency of Social Protection (*Cục Bảo trợ xã hội*)
- (p) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
- (q) Directorate of Vocational Training (*Tổng Cục dạy nghề*)

4. Ministry of Culture, Sports and Tourism (*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (d) Department of Science, Technology and Environment (*Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường*)
- (e) Agency of International Cooperation (*Cục Hợp tác quốc tế*)
- (f) Agency of Cultural Heritage (*Cục Di sản văn hóa*)
- (g) Department of Training Management (*Vụ Đào tạo*)
- (h) Directorate of Viet Nam National Administration of Tourism (*Tổng cục Du lịch*)
- (i) Department of Emulation and Reward (*Vụ Thi đua khen thưởng*)
- (j) Agency of Art, Photography and Exhibition (*Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm*)
- (k) Department of Family (*Vụ Gia đình*)
- (l) Department of Ethnic Culture (*Vụ Văn hóa dân tộc*)
- (m) Department of Library (*Vụ Thư viện*)
- (n) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch – Tài chính*)
- (o) Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city (*Văn phòng Bộ kể cả VPĐD ở Đà Nẵng*)
- (p) South Agency (*Cục Công tác phía Nam*)
- (q) Agency of Performing Arts (*Cục Nghệ thuật biểu diễn*)
- (r) Cinema Agency (*Cục Điện ảnh*)
- (s) Agency of Copyright (*Cục Bản quyền tác giả*)
- (t) Agency of Grassroots Culture (*Cục Văn hóa cơ sở*)
- (u) Directorate of Physical Training and Sports (*Tổng cục Thể dục thể thao*)
- (v) The Management Unit of the Culture and Tourism Village of Vietnamese ethnics (*Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam*)

5. Ministry of Science and Technology (*Bộ Khoa học và Công nghệ*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)

- (c) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (d) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (e) Department of Social and Natural Sciences (*Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên*)
- (f) Department of Science and Technology for Economic Technical Branches (*Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật*)
- (g) Department of High Technology (*Vụ Công nghệ cao*)
- (h) Department of Technology Appraisal, Examination and Assessment (*Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ*)
- (i) Department of Planning and General Affairs (*Vụ Kế hoạch – Tổng hợp*)
- (j) Technology Application and Development Agency (*Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ*)
- (k) Agency of National Office of Intellectual Property of Viet Nam (*Cục Sở hữu trí tuệ*)
- (l) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
- (m) The South Agency (*Cục Công tác phía Nam*)
- (n) Directorate of Standards and Quality (*Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng*)
- (o) Office of State-Level Key Programs (*Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước*)
- (p) Department of Finance (*Vụ Tài chính*)
- (q) Department of Emulation and Reward (*Vụ Thi đua - Khen thưởng*)
- (r) Department of Local Science and Technology Development (*Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương*)
- (s) National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development (*Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ*)
- (t) National Agency for Scientific and Technological Information (*Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia*)
- (u) Viet Nam Agency for Radiation and Nuclear Safety and Control (*Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân*)
- (v) Viet Nam Atomic Energy Commission (*Cục Năng lượng nguyên tử*)
- (w) The Management Board of Hoa Lac Hi-Tech Park (*Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc*)

6. Ministry of Finance (*Bộ Tài chính*)

- (a) Agency of Price Control (*Cục Quản lý giá*)
- (b) Agency of Corporate Finance (*Cục Tài chính Doanh nghiệp*)
- (c) Agency of Debt Management and External Finance (*Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại*)
- (d) Agency of Public Asset Management (*Cục Quản lý Công sản*)
- (e) Department of State Budget (*Vụ Ngân sách nhà nước*)

- (f) Department of Investment (*Vụ Đầu tư*)
- (g) Department of Finance for National Defense and Security (*Vụ I (Vụ Tài chính, Quốc phòng, An ninh đặc biệt)*)
- (h) Department of Public Expenditure (*Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp*)
- (i) Department of Tax Policy (*Vụ Chính sách thuế*)
- (j) Department of Banking and Financial Institutions (*Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính*)
- (k) Department of Accounting and Auditing Regulations (*Vụ chế độ kế toán và kiểm toán*)
- (l) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (m) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (n) Department of Personnel and Training (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (o) Department of Emulation and Commendation (*Vụ Thi đua - Khen thưởng*)
- (p) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (q) Insurance Supervisory Agency (*Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm*)
- (r) Agency of Planning and Finance (*Cục Kế hoạch tài chính*)
- (s) Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city (*Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)
- (t) State Securities Commission (*Ủy ban Chứng khoán Nhà nước*)
- (u) General Department of State Reserves (*Tổng cục dự trữ nhà nước*)
- (v) State Treasury (*Kho bạc Nhà nước*)
- (w) General Department of Customs (*Tổng cục Hải quan*)
- (x) General Department of Taxation (*Tổng cục Thuế*)
- (y) Agency of Financial Informatics and Statistics (*Cục Tin học và Thống kê tài chính*)

7. Ministry of Construction (*Bộ Xây dựng*)

- (a) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (b) Department of Science, Technology and Environment (*Vụ Khoa học công nghệ và môi trường*)
- (c) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (d) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (e) Department of Architecture and Construction Planning (*Vụ Quy hoạch – kiến trúc*)
- (f) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (g) Department of Construction Economics (*Vụ Kinh tế xây dựng*)
- (h) Urban Development Agency (*Cục Phát triển đô thị*)
- (i) Department of Building Materials (*Vụ Vật liệu xây dựng*)
- (j) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch tài chính*)
- (k) Agency of Construction Activity Management (*Cục Quản lý hoạt động xây dựng*)

- (l) Agency of Technical – Infrastructure (*Cục Hạ tầng kỹ thuật*)
 - (m) State Agency of Construction Quality Inspection (*Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng*)
 - (n) Management Agency for Housing and Real-estate Market (*Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản*)
 - (o) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
 - (p) The South Agency (*Cục công tác phía Nam*)
 - (q) Enterprises Management Department (*Vụ Quản lý doanh nghiệp*)
8. Ministry of Information and Communications (*Bộ Thông tin và Truyền thông*)
- (a) Department of Posts (*Vụ Bưu chính*)
 - (b) Department of Information Technology (*Vụ Công nghệ thông tin*)
 - (c) Department of Science and Technology (*Vụ Khoa học và Công nghệ*)
 - (d) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
 - (e) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
 - (f) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
 - (g) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch - Tài chính*)
 - (h) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
 - (i) Ministry Office, including Representative Offices in DaNang city (*Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng*)
 - (j) Agency of Radio Frequency Management (*Cục Tần số vô tuyến điện*)
 - (k) Agency of Telecommunications (*Cục Viễn thông*)
 - (l) Agency of Computerization (*Cục Tin học hóa*)
 - (m) Agency of Press (*Cục Báo chí*)
 - (n) Agency of Publication, Print and release (*Cục Xuất bản, In và Phát hành*)
 - (o) Agency of Broadcasting and Electronic Information (*Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử*)
 - (p) The South Agency (*Cục Công tác phía Nam*)
 - (q) Agency of Foreign Information Service (*Cục Thông tin đối ngoại*)
 - (r) Enterprises Management Department (*Vụ Quản lý doanh nghiệp*)
 - (s) Department of Emulation and Reward (*Vụ Thi đua khen thưởng*)
 - (t) Department of Fundamental Information (*Vụ Thông tin cơ sở*)
 - (u) Central Post Agency (*Cục bưu điện Trung ương*)
 - (v) Agency of Information Security (*Cục An toàn thông tin*)
9. Viet Nam Social Security (*Bảo hiểm Xã hội Việt Nam*)
- (a) Department of fund investment and management (*Ban Đầu tư quỹ*)
 - (b) Administration Office, including Representative Office in HoChiMinh city (*Văn phòng, bao gồm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)

- (c) Department of Implementation of Social Security Policies (*Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội*)
- (d) Department of Implementation of Health Insurance Policies (*Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế*)
- (e) Department of Issuance of Books and Cards (*Ban Sổ, Thẻ*)
- (f) Department of Propaganda (*Ban Tuyên truyền*)
- (g) Department of International Cooperation (*Ban Hợp tác quốc tế*)
- (h) Department of Emulation and Reward (*Ban Thi đua – Khen thưởng*)
- (i) Department of Legislation (*Ban Pháp chế*)
- (j) Department of Personnel and Organization (*Ban Tổ chức cán bộ*)
- (k) Department of Money Collection (*Ban Thu*)
- (l) Department of Finance and Accounting (*Ban Tài chính – Kế toán*)
- (m) Department of Planning and Investment (*Ban Kế hoạch và Đầu tư*)
- (n) Department of Pharmaceutics (*Ban Dược và Vật tư y tế*)
- (o) Department of Inspection (*Ban Kiểm tra*)
- (p) Department of Internal Audit (*Ban Kiểm toán nội bộ*)

10. Government Inspectorate (*Thanh tra Chính phủ*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức Cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác Quốc tế*)
- (d) Department of sector-based Economic Inspection (Dep.I) (*Vụ thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I)*)
- (e) Department of Internal Affairs and General Economic Inspection (Dep.II) (*Vụ thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II)*)
- (f) Department of Socio-Cultural Inspection (Dep.III) (*Vụ thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III)*)
- (g) Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 1 (Agency I) (*Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I)*)
- (h) Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 2 (Agency II) (*Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II)*)
- (i) Agency of Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 3 (Agency III) (*Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III)*)
- (j) (Anti -corruption Agency (AgencyIV) *Cục chống tham nhũng (Cục IV)*)
- (k) Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city (*Văn phòng, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)
- (l) Department of Citizen Reception and Complaint and Denunciation Handling (*Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư*)

- (m) Department of Post-Inspection Supervision, Evaluation and Handling (*Vụ giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra*)
- (n) Department of Planning, Finance and General Affairs (*Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp*)

11. Ministry of Industry and Trade (*Bộ Công Thương*)

- (a) Planning Department (*Vụ Kế hoạch*)
- (b) Organization and Personnel Department (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (c) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (d) International Cooperation Department (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (e) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (f) Science and Technology Department (*Vụ Khoa học và Công nghệ*)
- (g) Heavy Industry Department (*Vụ Công nghiệp nặng*)
- (h) Directorate of Energy (*Tổng cục năng lượng*)
- (i) Light Industry Department (*Vụ Công nghiệp nhẹ*)
- (j) Export-Import Agency (*Cục Xuất nhập khẩu*)
- (k) Domestic Market Department (*Vụ Thị trường trong nước*)
- (l) Mountainous and Frontier Trade Department (*Vụ Thương mại biên giới và miền núi*)
- (m) Asia-Pacific Market Department (*Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương*)
- (n) Europe Market Department (*Vụ Thị trường châu Âu*)
- (o) America Market Department (*Vụ Thị trường châu Mỹ*)
- (p) Africa, Western and South Asia Markets Department (*Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á*)
- (q) Multilateral Trade Policy Department (*Vụ Chính sách thương mại đa biên*)
- (r) Remuneration and Rewards Department (*Vụ Thi đua - Khen thưởng*)
- (s) Finance Department (*Vụ Tài chính*)
- (t) The South Agency (*Cục Công tác phía nam*)
- (u) Electricity Regulatory Agency (*Cục Điều tiết điện lực*)
- (v) Competition Agency (*Cục Quản lý cạnh tranh*)
- (w) Market Surveillance Agency (*Cục Quản lý thị trường*)
- (x) Trade Promotion Agency (*Cục Xúc tiến thương mại*)
- (y) Agency for Industrial Promotion (*Cục Công nghiệp địa phương*)
- (z) Industrial Safety Techniques and Environment Agency (*Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp*)
- (aa) Viet Nam E-Commerce and Information Technology Agency (*Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin*)
- (bb) Chemicals Agency (*Cục Hóa chất*)
- (cc) Human Resource Development Department (*Vụ Phát triển nguồn nhân lực*)

- (dd) Ministry Office, including Representative Offices in Da Nang city (*Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng*)

12. Ministry of Health (*Bộ Y tế*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (d) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (e) Drug Administration of Viet Nam (*Cục Quản lý dược*)
- (f) Department of Health Insurance (*Vụ Bảo hiểm y tế*)
- (g) Department of Children - Mother Health (*Vụ Sức khỏe Bà mẹ – Trẻ em*)
- (h) Agency of Administration of Traditional Medicine (*Cục Quản lý Y Dược cổ truyền*)
- (i) Department of Health Equipment and Works (*Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế*)
- (j) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch – Tài chính*)
- (k) Ministry' Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (*Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)
- (l) Agency of Preventive Medicine (*Cục Y tế dự phòng*)
- (m) HIV/AIDS Prevention Agency (*Cục Phòng, chống HIV/AIDS*)
- (n) Agency of Health Examination and Treatment (*Cục Quản lý khám, chữa bệnh*)
- (o) Agency of Food Safety (*Cục An toàn thực phẩm*)
- (p) Directorate of Population Family Planning (*Tổng cục Dân số – Kế hoạch hóa gia đình*)
- (q) Department of communication and Emulation (*Vụ truyền thông và Thi đua-Khen thưởng*)
- (r) Agency of Information Technology (*Cục Công nghệ thông tin*)
- (s) Agency of Administration of Environmental Health (*Cục Quản lý môi trường Y tế*)
- (t) Agency of Science, Technology and Training (*Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo*)

13. Ministry of Natural Resources and Environment (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*)

- (a) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (b) Department of Finance (*Vụ Tài chính*)
- (c) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (d) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (e) Department of Emulation, Commendation and Propaganda (*Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền*)
- (f) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)

- (g) Department of Planning (*Vụ Kế hoạch*)
- (h) Department of Science and Technology (*Vụ Khoa học và Công nghệ*)
- (i) Directorate of Land Administration (*Tổng cục Quản lý đất đai*)
- (j) Agency of Water Resources Management (*Cục Quản lý tài nguyên nước*)
- (k) Agency of Meteorology, Hydrography and Climate Changes (*Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu*)
- (l) Agency of Survey and Mapping (*Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam*)
- (m) Ministry Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (*Văn phòng Bộ, bao gồm cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)
- (n) Directorate of Environment (*Tổng cục Môi trường*)
- (o) Directorate of Geology and Minerals of Viet Nam (*Tổng cục Địa chất và Khoáng sản*)
- (p) Agency of Technology and Information (*Cục Công nghệ và Thông tin*)
- (q) Agency of National Remote Sensing (*Cục Viễn thám quốc gia*)
- (r) General Department of the Sea and Offshore Islands (*Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam*)

14. Ministry of Education and Training (*Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

- (a) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Department of Personnel and Organisation (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (d) Department of Pre-school Education (*Vụ Giáo dục Mầm non*)
- (e) Department of Primary Education (*Vụ Giáo dục Tiểu học*)
- (f) Department of Secondary Education (*Vụ Giáo dục Trung học*)
- (g) Department of Professional Education (*Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp*)
- (h) Department of Higher Education (*Vụ Giáo dục Đại học*)
- (i) Department of Ethnic Minorities Education (*Vụ Giáo dục Dân tộc*)
- (j) Department of Continuing Education (*Vụ Giáo dục Thường xuyên*)
- (k) Department of Student Affairs (*Vụ Công tác học sinh, sinh viên*)
- (l) Department of National Defense (*Vụ Giáo dục Quốc phòng*)
- (m) Department of Science, Technology and Environment (*Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường*)
- (n) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác Quốc tế*)
- (o) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch - Tài chính*)
- (p) Agency of Testing and Education Administrators (*Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục*)
- (q) Agency of Teachers and Education Administrators (*Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục*)
- (r) Agency of Information Technology (*Cục Công nghệ thông tin*)

- (s) Agency of Education Facilities and Children' Toys (*Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em*)
- (t) International Education Agency (*Cục Đào tạo với nước ngoài*)
- (u) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
- (v) Representative Office in HoChiMinh city (*Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh*)

15. Ministry of Home Affairs (*Bộ Nội vụ*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) The Organization and Personnel Administration (*Vụ Tổ chức - Biên chế*)
- (c) The Salary Department (*Vụ Tiền lương*)
- (d) The Department of State Employees and Servants (*Vụ Công chức - Viên chức*)
- (e) The Local Administration Department (*Vụ Chính quyền địa phương*)
- (f) The International Cooperation Department (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (g) The Department of Non-Government Organization (*Vụ Tổ chức phi chính phủ*)
- (h) The Administrative Reform Department (*Vụ Cải cách hành chính*)
- (i) The Department of Training and Fostering of State Officials (*Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức*)
- (j) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (k) The General Department (*Vụ Tổng hợp*)
- (l) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (m) Ministry Office, including Representative Offices in Da nang and Ho Chi Minh city (*Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh*)
- (n) State Records Management and Archives Agency (*Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước*)
- (o) Government Committee for Religious Affairs (*Ban Tôn giáo Chính phủ*)
- (p) Central Committee of Emulation and Commendation (*Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương*)
- (q) Department of Planning – Finance (*Vụ Kế hoạch - Tài chính*)
- (r) Department of Youth affairs (*Vụ Công tác thanh niên*)

16. Ministry of Foreign Affairs (*Bộ Ngoại giao*)

- (a) ASEAN Department (*Vụ ASEAN*)
- (b) South East Asia-South Asia-South Pacific Department (*Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương*)
- (c) North East Asia Department (*Vụ Đông Bắc Á*)
- (d) Europe Department (*Vụ Châu Âu*)
- (e) America Department (*Vụ Châu Mỹ*)

- (f) West Asia - Africa Department (*Vụ Tây Á - Châu Phi*)
- (g) Policy planning Department (*Vụ Chính sách Đối ngoại*)
- (h) International Organizations Department (*Vụ các Tổ chức Quốc tế*)
- (i) Law and International Treaty Department (*Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế*)
- (j) Department of Multilateral Economic Cooperation (*Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương*)
- (k) Economic Department (*Vụ Tổng hợp Kinh tế*)
- (l) External Culture and UNESCO Department (*Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO*)
- (m) Press and Information Department (*Vụ Thông tin Báo chí*)
- (n) Personnel and Organization Department (*Vụ Tổ chức Cán bộ*)
- (o) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
- (p) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
- (q) Consular Agency (*Cục Lãnh sự*)
- (r) State Protocol Agency (*Cục Lễ tân Nhà nước*)
- (s) Administrative and Financial Agency (*Cục Quản trị Tài vụ*)
- (t) State Commission on Overseas Vietnamese (*Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài*)
- (u) Hochiminh City's Department of External Relations (*Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh*)
- (v) Agency of Foreign Affairs (*Cục Ngoại vụ*)
- (w) Department of Emulation, Rewards and Diplomatic Tradition (*Vụ Thi đua – khen thưởng và Truyền thống ngoại giao*)

17. Committee for Ethnic Affairs (*Ủy ban Dân tộc*)

- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
- (b) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
- (c) Inspectorate (*Thanh tra*)
- (d) Department of Policies on Ethnic Minority (*Vụ Chính sách dân tộc*)
- (e) Department of Locality No.I (*Vụ Địa phương I*)
- (f) Department of Locality No.II (*Vụ Địa phương II*)
- (g) Department of Locality No.III (*Vụ Địa phương III*)
- (h) Department of Propaganda (*Vụ Tuyên truyền*)
- (i) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
- (j) Department of General Affairs (*Vụ Tổng hợp*)
- (k) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch - Tài chính*)
- (l) Ministry Office (*Văn phòng*)
- (m) Department of Ethnic Minorities (*Vụ dân tộc thiểu số*)

18. Ministry of Agriculture and Rural Development (*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)
- (a) International Cooperation Department (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
 - (b) Department of Sciences, Technology and Environment (*Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường*)
 - (c) Department of Planning (*Vụ Kế hoạch*)
 - (d) Department of Finance (*Vụ Tài chính*)
 - (e) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
 - (f) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
 - (g) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)
 - (h) Agency of Livestock (*Cục Chăn nuôi*)
 - (i) Agency of Crop Production (*Cục Trồng trọt*)
 - (j) Agency of Processing for Agro-forestry- Fisheries Products and Salt Production (*Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối*)
 - (k) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
 - (l) Agency of Plant Protection (*Cục Bảo vệ thực vật*)
 - (m) Water Resources Directorate (*Tổng cục Thủy lợi*)
 - (n) Directorate of Forest (*Tổng cục Lâm nghiệp*)
 - (o) Directorate of Fisheries (*Tổng cục Thủy sản*)
 - (p) Agency of Animal Health (*Cục Thú y*)
 - (q) Agency of Construction Management (*Cục Quản lý xây dựng công trình*)
 - (r) Agency of Cooperatives and Rural Development (*Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn*)
 - (s) National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Agency (*Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản*)
 - (t) Department of Enterprise Management (*Vụ Quản lý doanh nghiệp*)
19. Ministry of Transport (*Bộ Giao thông vận tải*)
- (a) Legal Affairs Department (*Vụ Pháp chế*)
 - (b) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
 - (c) Department of Transportation (*Vụ Vận tải*)
 - (d) Department of Environment (*Vụ Môi trường*)
 - (e) Department of International Cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
 - (f) Department of Traffic Safety (*Vụ An toàn giao thông*)
 - (g) Department of Transport Infrastructure (*Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông*)
 - (h) Department of Science and Technology (*Vụ Khoa học - Công nghệ*)
 - (i) Department of Finance (*Vụ Tài chính*)
 - (j) Department of Planning and Investment (*Vụ Kế hoạch - Đầu tư*)
 - (k) Department of Enterprises Management (*Vụ quản lý doanh nghiệp*)
 - (l) Ministry Inspectorate (*Thanh tra Bộ*)

- (m) Ministry Office (*Văn phòng Bộ*)
 - (n) Transport Engineering Construction and Quality Management Agency (*Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông*)
 - (o) Viet Nam Register Agency (*Cục Đăng kiểm Việt Nam*)
 - (p) Viet Nam Inland Waterways Agency (*Cục Đường thủy nội địa Việt Nam*)
 - (q) Viet Nam Maritime Agency (*Cục Hàng hải Việt Nam*)
 - (r) Viet Nam Railway Agency (*Cục Đường sắt Việt Nam*)
 - (s) Civil Aviation (*Cục Hàng không Việt Nam*)
 - (t) Directorate for Roads of Viet Nam (*Tổng cục Đường bộ Việt Nam*)
 - (u) Transport Health Service Administration (*Cục Y tế Giao thông vận tải*)
20. Ministry of Public Security (*Bộ Công an*)
- (a) General Police Department (*Tổng cục cảnh sát*)
 - (b) Police Bureau of Fire Prevention, Fighting and Rescue (*Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*)
 - (c) Department of Health under General department of Technology and Logistics (*Cục Y tế - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật*)
21. Ministry of National Defense (*Bộ Quốc phòng*)
- (a) Department of Economics (*Cục Kinh tế*)
 - (b) Rescue Department (*Cục Cứu hộ - Cứu nạn*)

Notes to Section A:

1. Chapter 15 (Government Procurement) shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate to the relevant ministries which are listed in this Section and their administrative subordinate agencies at central level.
2. For Ministry of Labour, War invalids and Social Affairs, Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to any procurement of goods and services involving martyrs' cemetery.
3. For Viet Nam Social Security, for greater certainty, Chapter 15 (Government Procurement) shall not cover any procurement of investment management, investment advisory, or master custody and safekeeping services for the purposes of managing and investing the assets of superannuation funds of Viet Nam Social Security.
4. For Ministry of Transport, Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to procurement of construction services of the Ministry of Transport.
5. For Ministry of National Defense:

- (a) Chapter 15 (Government Procurement) shall cover only the goods described as follows:
- (i) tyres used on light trucks (maximum payload capacity from 410 kg to 3050 kg, external diameter from 475 mm to 972 mm), on specialty motor cars (maximum payload capacity from 2937 kg to 61500 kg, external diameter from 1220 mm to 3045 mm), on heavy trucks (maximum payload capacity from 4770 kg to 5525 kg, external diameter from 1020 mm to 1230 mm)
 - (ii) inner tubes used on motor cars (sectional diameter from 104 mm to 236 mm, inside diameter from 305 mm to 605 mm), on bicycles (as stipulated in TC 03-2002/CA), on motorcycles (as stipulated in TCVN 5721-1, JIS6367, DOT, SN1)
 - (iii) leather products used on motor cars
 - (iv) elastic belts of all kinds (80 mm wide and 500 m long)
 - (v) cast-iron pipes and accessories (gray cast iron, ductile cast iron: common kinds with diameter from 100-800mm suitable to ISO 2531:1998 national standard)
 - (vi) antenna pillars (stay cables of a triangle cross-section of 330 with a height of 21-45 m; stay cables of a triangle cross-section of 660 with a height of 36-66 m; stay cables of a triangle cross-section of 800 with a height of 60-100 m; stay cables of a circle cross-section with a height of 15 m; mobile cable ties - of a height of 10 m) and all kinds of metallic scaffolds, support pillars and shuttering (of common kind)
 - (vii) spiral screws
 - (viii) chimneys
 - (ix) equipment for production of baked bricks of all kinds (of an output of up to 20,000,000 bricks/year)
 - (x) equipment for production of pure ice (parameters of big machines: ice cube size of 48 x 80 mm, an output of 9-10 tonnes/24h, 400 kg/batch, power consumption level of 0.085 kwh/kg of ice, the compressor's output of 50 HP)
 - (xi) sterilising autoclaves (of types of 20, 52 and 75 litres)
 - (xii) industrial water filters (of an output of 6 tonnes/h, electric capacity of 25 kw)
 - (xiii) winches, operated by electric motor (of a lifting capacity of up to 50 tonnes)
 - (xiv) dot matrix printers
 - (xv) washing machines of all kinds (including kinds with automatic dryers)
 - (xvi) cash registers
 - (xvii) showers (used for baffle separator in kitchen: Q030JGEV, Q030JGV, Q030JGEVQ01)
 - (xviii) tube plate acid lead battery (special-used for forklift trucks operated by electricity: capacity of between 2V-100 Ah and 2V-1000 Ah; Special-used for trams in golf yards, railway stations, ports; capacity of 6V-225Ah, 8V-195Ah; 12V-130Ah)
 - (xix) headlights for car, Headlights for 1- tonne – capacity - under – truck, Wipers for automobile,
 - (xx) horn for automobile

- (xxi) post office boxes
- (xxii) webcam
- (xxiii) two-wheels bicycles and other pedal-powered cycles (including three-wheel cargo pedicabs)
- (xxiv) exhaust pipes of motorcycles, grip handle at back of motorcycles, before and back dampings for motorcycles
- (xxv) one-phase and three-phase electronic meters (U of up to 380V, I of up to 100A), one-phase and three-phase electronic meters, single-phase electronic meters (Degree of accuracy 1.0: normalised voltage (Un): 220 VAC, rated current (Ib):5A, 10A, 20A, 30A, 50A: maximum current (Imax): 20A, 40A, 60A, 80A, 100A, starting current (Ist)< 0.4%Ib; working frequency: 50Hz; meter constant: 1600 impulse/kwh),
- (xxvi) composite protection boxes of electricity meters,
- (xxvii) composite boxes of electricity meters
- (xxviii) testing apparatus for meter (12 – position single phase; 40 – position single phase)
- (xxix) alarm-clocks
- (xxx) wall clocks (electrically operated)
- (xxxi) warning signs made of fluorescent reflection aluminium (for autos, motors, traffic signs)
- (xxxii) rubber sticks, electric sticks of all kinds, pepper spray (type of 500 ml, 2000 ml)
- (xxxiii) cane or beet sugar and sucrose (chemically pure, in solid form), raw sugar not containing added flavouring or colouring matter and others
- (xxxiv) vinegar
- (xxxv) table salt
- (xxxvi) lime
- (xxxvii) pure copper ore (18-20% Cu)
- (xxxviii) monosodium glutamate
- (xxxix) printing inks of all kinds (used to print identification)
- (xl) newsprint, in rolls or sheets (of a standard weight of 42-55 g/m²)
- (xli) uncoated paper and paperboard, of a kind used for printing, writing or photocopying, card-making, punch tape paper or waxed base for manufacture of technical paper (of a standard weight of 40-120 g/m². Excluding those under subheadings of: 4802.51.20, 4802.60.20, 4802.30.00, 4802.40.00, 4802.20.00)
- (xlii) paper shoe insoles (for lining shoes)
- (xliii) three-ply, five-ply cartons
- (xliv) cotton and polyester shoelaces
- (xlv) inners of vacuum flasks
- (xlvi) electrostatic-painted steel protection boxes of electric meter (for electric grid works)
- (xlvii) accessories of motorbike and bicycle

- (xlviii) composite meter protection box (for electric grid works; type of 01 meter, single phase; type of 02 meters, single phase; type of 04 meters, single phase, type of 01 meter, 03 phases)
 - (xlix) HDPE plastic water tubes (type of ϕ 20-110mm, with low heat-transfer coefficient, resisting sunlight, not be ionised under ultraviolet ray, resisting the low temperature of -40°C), PPR plastic water tubes (type of ϕ 20-90mm, resisting high temperature and pressure, high durability, good bending resistance, not causing noise and vibration when water flow going pass)
 - (l) plastic doors, plastic doors with steel core produced from shaped uPVC bar (manufactured synchronously from components such as shaped door frame, glassy box, and washer. Having sound insulating, heat insulating property and resisting high pressure; energy saving)
 - (li) mirror glass (of a thickness of between 1.5 - 18mm)
 - (lii) hot and cold showers (type of 02 water-flows used for restroom), cold bathroom showers (type of 01 water-flow used for restroom), hot and cold lavatory faucets (type of 02 water-flows used for restroom), cold faucets (type of 01 water-flow used for restrooms), cold tap to wash up dishes (type of 02 water-flows used for kitchen room), pond faucet (type of 02 water-flows used for washing hands)
 - (liii) electric lamp of all kinds (filament lamps of common type; compact lamps of 2U, 3U, capacity of 5-20W; FHF Fluorescents, capacity of 32W; FLD Fluorescents, capacity of 18W and 36W)
 - (liv) paper-made packaging of software products
 - (lv) boxes and covers protecting objects carrying information
 - (lvi) paper-made labels of electronic products
- (b) Chapter 15 (Government Procurement) shall cover only the services described in the United Nations Provisional Central Product Classification as follows:

<i>CPC</i>	<i>Description</i>
61120	Maintenance and repair services of motor vehicles (except for service involving engine overhaul)
612	Sale, maintenance and repair services of motorcycles and snowmobiles; sales of related parts and accessories (offer only the services involving maintenance and repair services of motor vehicles under CPC612)
87401	Disinfecting and exterminating services
87507	Restoration, copying and retouching services of photography
87501	Portrait photography services
51520	Water well drilling (except for installation and repair work of piping systems within buildings)

6. For Ministry of Public Security

(a) Chapter 15 (Government Procurement) shall cover only the goods as described in the HS issued together with Circular No. 156/2011/TT-BTC dated November 24, 2011 as follows:

<i>HS2012</i>	<i>Description</i>
30	Pharmaceutical products
34.02	Organic surface-active agents (other than soap); surface-active preparations, washing preparations (including auxiliary washing preparations) and cleaning preparations, whether or not containing soap, other than those of heading 34.01
3402.19.10	Of a kind suitable for use in fire-extinguishing preparations
3813.00.00	Preparations and charges for fire-extinguishers; charged fire-extinguishing grenades
39.26	Other articles of plastics and articles of other materials of headings 39.01 to 39.14
3926.20.60	Articles of apparel used for protection from chemical substances, radiation or fire
3926.90.42	Protective masks for use in welding and similar work
3926.90.44	Life saving cushions for the protection of persons falling from heights
3926.90.49	Other
59.07	Textile fabrics otherwise impregnated, coated or covered; painted canvas being theatrical scenery, studio back-cloths or the like
5907.00.30	Fabrics impregnated, coated or covered with fire resistant substances
59.09	Textile hosepiping and similar textile tubing, with or without lining, armour or accessories of other materials
5909.00.10	Fire hoses
61.13	Garments, made up of knitted or crocheted fabrics of heading 59.03, 59.06 or 59.07
61.16	Gloves, mittens and mitts, knitted or crocheted
6116.10.10	Other
62.10	Garments, made up of fabrics of heading 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 or 59.07
6210.10	Of fabrics of heading 56.02 or 56.03
6210.10.11	Garments used for protection from chemical substances, radiation or fire
6210.20.20	Garments used for protection from fire
6210.20.30	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.30.20	Garments used for protection from fire
6210.30.30	Garments used for protection from chemical substances or radiation
6210.40.10	Garments used for protection from fire

- 6210.40.20 Garments used for protection from chemical substances or radiation
- 6210.50.10 Garments used for protection from fire
- 6210.50.20 Garments used for protection from chemical substances or radiation
- 64.01 Waterproof footwear with outer soles and uppers of rubber or of plastics, the uppers of which are neither fixed to the sole nor assembled by stitching, riveting, nailing, screwing, plugging or similar processes
- 65.06 Other headgear, whether or not lined or trimmed
- 6506.10.20 Industrial safety helmets and firefighters' helmets, excluding steel helmets
- 82.01 Hand tools, the following: spades, shovels, mattocks, picks, hoes, forks and rakes; axes, bill hooks and similar hewing tools; secateurs and pruners of any kind; scythes, sickles, hay knives, hedge shears, timber wedges and other tools of a kind used in agriculture, horticulture or forestry
- 82.02 Hand saws; blades for saws of all kinds (including slitting, slotting or toothless saw blades)
- 82.03 Files, rasps, pliers (including cutting pliers), pincers, tweezers, metal cutting shears, pipe-cutters, bolt croppers, perforating punches and similar hand tools
- 84.24 Mechanical appliances (whether or not hand-operated) for projecting, dispersing or spraying liquids or powders; fire extinguishers, whether or not charged; spray guns and similar appliances; steam or sand blasting machines and similar jet projecting machines
- 8424.10 Fire extinguishers, whether or not charged
- 85.01 Electric motors and generators (excluding generating sets)
- 85.03 Parts suitable for use solely or principally with the machines of heading 85.01 or 85.02
- 85.19 Sound recording or reproducing apparatus
- 85.22 Parts and accessories suitable for use solely or principally with the apparatus of heading 85.19 or 85.21
- 85.25 Transmission apparatus for radio-broadcasting or television, whether or not incorporating reception apparatus or sound recording or reproducing apparatus; television cameras, digital cameras and video camera recorders
- 85.26 Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus
- 85.37 Boards, panels, consoles, desks, cabinets and other bases, equipped with two or more apparatus of heading 85.35 or 85.36, for electric control or the distribution of electricity, including those incorporating instruments or apparatus of Chapter 90, and numerical control apparatus, other than switching apparatus of heading 85.17
- 87.05 Special purpose motor vehicles, other than those principally designed for the transport of persons or goods (for example, breakdown lorries, crane

	lorries, fire fighting vehicles, concrete-mixer lorries, road sweeper lorries, spraying lorries, mobile workshops, mobile radiological units)
8705.10.00	Crane lorries
8705.20.00	Mobile drilling derricks
8705.90.50	Street cleaning vehicles; cesspool emptiers; mobile clinics; spraying lorries of all kinds
89.05	Light-vessels, fire-floats, dredgers, floating cranes and other vessels the navigability of which is subsidiary to their main function; floating docks; floating or submersible drilling or production platforms
89.06	Other vessels, including warships and lifeboats other than rowing boats
8908.00.00	Vessels and other floating structures for breaking up
90.18	Instruments and appliances used in medical, surgical, dental or veterinary sciences, including scintigraphic apparatus, other electro-medical apparatus and sight-testing instruments
90.19	Mechano-therapy appliances; massage apparatus; psychological aptitude-testing apparatus; ozone therapy, oxygen therapy, aerosol therapy, artificial respiration or other therapeutic respiration apparatus
9020.00.00	Other breathing appliances and gas masks, excluding protective masks having neither mechanical parts nor replaceable filters
90.21	Orthopaedic appliances, including crutches, surgical belts and trusses; splints and other fracture appliances; artificial parts of the body; hearing aids and other appliances which are worn or carried, or implanted in the body, to compensate for a defect or disability
90.22	Apparatus based on the use of X-rays or of alpha, beta or gamma radiations, whether or not for medical, surgical, dental or veterinary uses, including radiography or radiotherapy apparatus, X-ray tubes and other X-ray generators, high tension generators, control panels and desks, screens, examination or treatment tables, chairs and the like

- (b) Chapter 15 (Government Procurement) shall not cover services or construction services procured by the Ministry of Public Security.
- (c) The extent and composition of coverage of pharmaceuticals by the Ministry, and the rights accorded to the foreign invested pharmaceutical enterprises, will follow the same formula as that employed by the Ministry of Health for its covered procurement of pharmaceuticals, laid out in the notes in Section D.

SECTION B: Sub-Central Government Entities

None.

SECTION C: Other Entities

Chapter 15 (Government Procurement) shall apply to the entities listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Thresholds:

1. Goods and Services

- From the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam to the end of the fifth year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 3,000,000 SDR
- From the beginning of the sixth year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 2,000,000 SDR

2. Construction Services

- From the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam to the end of the fifth year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 65,200,000 SDR
- From the beginning of the sixth year to the end of the 10th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 55,000,000 SDR
- From the beginning of the 11th year to the end of the 15th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 40,000,000 SDR
- From the beginning of the 16th year to the end of the 20th year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 25,000,000 SDR
- From the beginning of the 21st year following entry into force of this Agreement for Viet Nam: 15,000,000 SDR

List of Entities:

1. Viet Nam News Agency (*Thông tấn xã Việt Nam*)

- (a) Personnel and Organization Board (*Ban Tổ chức cán bộ*)
- (b) Board of Inspection (*Ban Kiểm tra*)
- (c) Editor Board (*Ban Thư ký biên tập*)
- (d) Board of Planning and Finance (*Ban Kế hoạch – Tài chính*)
- (e) Board of News for Foreign Service (*Ban Biên tập tin đối ngoại*)
- (f) Board of Domestic News (*Ban Biên tập tin trong nước*)
- (g) Board of Economic News (*Ban Biên tập tin kinh tế*)
- (h) Board of World News (*Ban Biên tập tin thế giới*)
- (i) Database-Documentation Center (*Trung tâm thông tin tư liệu*)
- (j) Informatics Centre (*Trung tâm tin học*)

- (k) Viet Nam News Agency Professional Training Centre (*Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn*)
 - (l) Representative Office in the South (*Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam*)
 - (m) Representative Office in the Centre - Tay Nguyen (*Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên*)
 - (n) Pictorial Editorial Board (*Ban Biên tập ảnh*)
 - (o) The Administrative Affair Office (*Văn phòng Thông tấn xã*)
2. Ho Chi Minh National Academy of Politics (*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*)
- (a) Department of Personnel and Organization (*Vụ Tổ chức cán bộ*)
 - (b) Department of Scientific Management (*Vụ Quản lý khoa học*)
 - (c) Board of Inspection (*Ban Thanh tra*)
 - (d) Department of International cooperation (*Vụ Hợp tác quốc tế*)
 - (e) Department of Training Management (*Vụ Quản lý đào tạo*)
 - (f) Department of Provincial Political Schools (*Vụ Các trường chính trị*)
 - (g) Institute of International Relations (*Viện Quan hệ quốc tế*)
 - (h) Institute of State and Law (*Viện Nhà nước và Pháp luật*)
 - (i) Institute of Philosophy (*Viện Triết học*)
 - (j) Institute of Political Sciences (*Viện Chính trị học*)
 - (k) Institute of Culture and Development (*Viện Văn hóa và Phát triển*)
 - (l) Institute of Human Right Studies (*Viện Nghiên cứu quyền con người*)
 - (m) Institute of Economics (*Viện Kinh tế*)
 - (n) Journal of Political Theory (*Tạp chí Lý luận chính trị*)
 - (o) Institute of the CPV History (*Viện Lịch sử Đảng*)
 - (p) Institute of Ho Chi Minh and the CPV's Leaders' Studies (*Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng*)
 - (q) Institute of Scientific Socialism (*Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học*)
 - (r) Institute of Sociology (*Viện Xã hội học*)
 - (s) Department of Planning and Finance (*Vụ Kế hoạch – Tài chính*)
3. Viet Nam Academy of Social Sciences (*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*)
- (a) Social Sciences Publishing House (*Nhà xuất bản Khoa học xã hội*)
 - (b) Institute of Indian and Southwest Asian Studies (*Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á*)
 - (c) The Centre for Analysis and Forecast (*Trung tâm Phân tích và Dự báo*)
 - (d) Viet Nam Social Sciences Review (*Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*)
 - (e) Institute of Human Studies (*Viện Nghiên cứu con người*)
 - (f) Institute for Religious Studies (*Viện Nghiên cứu Tôn giáo*)
 - (g) Viet Nam Institute for Northeast Asian Studies (*Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á*)
 - (h) Viet Nam Institute of American Studies (*Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*)
 - (i) Viet Nam Museum of Ethnology (*Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*)
 - (j) Institute of African and Middle East Studies (*Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*)
 - (k) Viet Nam Institute of Chinese Studies (*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*)

- (l) Center for Information Technology (*Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin*)
 - (m) Institute of Sustainable Development of the Central Region (*Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*)
 - (n) Institute of Cultural Studies (*Viện Nghiên cứu Văn hóa*)
 - (o) Institute of History (*Viện Sử học*)
 - (p) Institute of State and Law (*Viện Nhà nước và Pháp luật*)
 - (q) Institute of Anthropology (*Viện Dân tộc học*)
 - (r) Institute for Southeast Asian Studies (*Viện Nghiên cứu Đông Nam Á*)
 - (s) Institute of Philosophy (*Viện Triết học*)
 - (t) Institute of Sociology (*Viện Xã hội học*)
 - (u) Institute for European Studies (*Viện Nghiên cứu Châu Âu*)
 - (v) Institute of Psychology (*Viện Tâm lý học*)
 - (w) Viet Nam Institute of Literature (*Viện Văn học*)
 - (x) Viet Nam Institute of Economics (*Viện Kinh tế Việt Nam*)
 - (y) Viet Nam Institute of Lexicography and Encyclopedia (*Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam*)
 - (z) Institute of World Economics and Politics (*Viện Kinh tế và Chính trị thế giới*)
 - (aa) Institute of Han - Nom Studies (*Viện Nghiên cứu Hán – Nôm*)
 - (bb) Graduate Academy of Social Sciences (*Học viện Khoa học xã hội*)
 - (cc) Institute of Archaeology (*Viện Khảo cổ học*)
 - (dd) Institute of Social Sciences Information (*Viện Thông tin Khoa học xã hội*)
 - (ee) Department of Personnel and Organization (*Ban Tổ chức cán bộ*)
 - (ff) Department of Finance and Planning (*Ban Kế hoạch – Tài chính*)
 - (gg) Department of Science Management (*Ban Quản lý Khoa học*)
 - (hh) Department of International Cooperation (*Ban Hợp tác quốc tế*)
 - (ii) Head Office (*Văn phòng*)
4. Viet Nam Academy of Science and Technology (VAST) (*Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam*)
- (a) Institute of Mathematics (*Viện Toán học*)
 - (b) Publishing House for Science and Technology (*Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ*)
 - (c) Institute of Applied Physics and Scientific Instruments (*Viện Vật lý Ứng dụng và Thiết bị khoa học*)
 - (d) Institute of Applied Informatics and Mechanics (*Viện Cơ học và Tin học ứng dụng*)
 - (e) Institute of Chemical Technology (*Viện Công nghệ hóa học*)
 - (f) Institute of Applied Materials Science (*Viện Khoa học vật liệu ứng dụng*)
 - (g) Institute of Tropical Biology (*Viện Sinh học nhiệt đới*)
 - (h) Institute of Energy Science (*Viện Khoa học năng lượng*)
 - (i) Administration Office, including Representative Offices in Ho Chi Minh city (*Văn phòng VAST, bao gồm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh*)

- (j) Institute of Information Technology (*Viện Công nghệ thông tin*)
- (k) Institute of Mechanics (*Viện Cơ học*)
- (l) Institute of Geophysics (*Viện Vật lý địa cầu*)
- (m) Institute of Ecology and Biological Resources (*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*)
- (n) Institute of Marine Environment and Resources (*Viện Tài nguyên và Môi trường biển*)
- (o) Tay Nguyen Institute of Biology (*Viện Sinh học Tây Nguyên*)
- (p) Institute of Oceanography (*Viện Hải dương học*)
- (q) Nha Trang Institute of Technology Research and Application (*Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang*)
- (r) Institute of Physics (*Viện Vật lý*)
- (s) ~~Center of Marine Geology and Geophysics (*Viện Địa*~~

16. Thong Nhat Hospital/ Unified Hospital (*Bệnh viện Thống Nhất*)
17. C Hospital (*Bệnh viện C Đà Nẵng*)
18. K Hospital (*Bệnh viện K*)
19. Viet Nam National Hospital of Pediatrics (*Bệnh viện Nhi Trung ương*)
20. National Hospital of Obstetrics and Gynecology (*Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương*)
21. The Viet Nam National Institute of Ophthalmology (*Bệnh viện Mắt Trung ương*)
22. Hospital of Ear - Nose - Throat (*Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương*)
23. National Hospital of Endocrinology (*Bệnh viện Nội tiết Trung ương*)
24. National Hospital of Odonto - Stomatology (*Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội*)
25. Ho Chi Minh Hospital of Odonto - Stomatology (*Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương thành phố Hồ Chí Minh*)
26. Central 71 Hospital (*Bệnh viện 71 Trung ương*)
27. Central 74 Hospital (*Bệnh viện 74 Trung ương*)
28. National Hospital of Lung Diseases (*Bệnh viện Phổi Trung ương*)
29. National Psychiatric Hospital no.1 (*Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1*)
30. National Mental Hospital 2 (*Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2*)
31. Quyhoa National Leprosy Dermatology Hospital (*Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa*)
32. Quynh Lap National Leprosy Dermatology Hospital (*Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập*)
33. Hospital of Nursing - Rehabilitation (*Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương*)
34. National Hospital of Tropical Diseases (*Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương*)
35. National Hospital of Dermatology and Venereology (*Bệnh viện Da liễu Trung ương*)
36. Hospital of Geriatric (*Bệnh viện Lão khoa Trung ương*)
37. National Hospital of Traditional Medicine (*Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương*)
38. National Hospital of Acupuncture (*Bệnh viện Châm cứu Trung ương*)

Notes to Section C:

1. For greater certainty, for Viet Nam News Agency, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Viet Nam Academy for Social Sciences, Viet Nam Academy for Science and Technology, Chapter 15 (Government Procurement) shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate to the relevant procuring entities.

2. For Ho Chi Minh National Academy of Politics, Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to procurement of restoration services of Ho Chi Minh National Academy of Politics.

3. For Viet Nam News Agency, Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to any procurement in relation to news and documentary production of Viet Nam News Agency.

4. For 34 National Hospitals, for the purpose of determining whether a pharmaceutical procurement equals or exceeds the Section C goods threshold, the relevant contract will be the consolidated pharmaceutical contract which lasts at least one year for each hospital, or the centralised contract conducted by the Ministry of Health on behalf of them. Should a hospital procure in contracts which last a shorter period, the applicable threshold shall be 500,000 SDR. Should a procurement contract concern a single pharmaceutical product, the applicable threshold shall be 180,000 SDR.

5. Viet Nam does not offer the coverage of Section C to Mexico.

SECTION D: Goods

Chapter 15 (Government Procurement) shall cover all goods procured by the entities listed in Sections A and C, subject to the Notes to the respective Sections and Section G, except for goods indicated in the lists below.

<i>HS2012</i>	<i>Description</i>
10.06	Rice
27.09	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, crude
27.10	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, other than crude; preparations not elsewhere specified or included, containing by weight 70% or more of petroleum oils or of oils obtained from bituminous minerals, these oils being the basic constituents of the preparations; waste oils
49.01	Printed books, brochures, leaflets and similar printed matter, whether or not in single sheets
49.02	Newspapers, journals and periodicals, whether or not illustrated or containing advertising material
49.05	Maps and hydrographic or similar charts of all kinds, including atlases, wall maps, topographical plans and globes, printed
49.07	Unused postage, revenue or similar stamps of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value; stamp-impressed paper; banknotes; cheque forms; stock, share or bond certificates and similar documents of title
8517.61	Base stations
8525.50	Transmission apparatus
8525.60	Transmission apparatus incorporating reception apparatus
85.26	Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus.
8527.13	Other apparatus combined with sound recording or reproducing apparatus
8527.19	Reception apparatus capable of planning, managing and monitoring the electromagnetic spectrum Recorded discs, tapes, solid-state non-volatile storage devices, “smart cards” and other media for the recording of sound or of other phenomena.

Note to Section D:

For pharmaceutical products, the following notes shall apply.

1. For each calendar year following the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam, Viet Nam may set aside from the obligations of Chapter 15 (Government Procurement) the respective percentage of contract value of pharmaceutical products as follows.

Year	1 st -3 rd	4 th – 10 th	11 th – 15 th	16 th onward
Percentage of contract value	100	65	60	50

2. With respect to the share of pharmaceutical procurement subject to commitments under Chapter 15 (Government Procurement), its composition will be composed of the following categories in sequential order:

- (a) all innovative (patented) pharmaceuticals; then
- (b) all Category 1 generics (under the classification system of Viet Nam’s Ministry of Health); then
- (c) all Category 2 generics; then
- (d) all Category 3 generics; then
- (e) all Category 4 generics; then
- (f) Category 5 generics,

SECTION E: Services

The following services, as elaborated in the United Nations Provisional Central Product Classification, are covered (others being excluded):

CPC Description

61	Sale, maintenance and repair services of motor vehicles and motorcycles
64	Hotel and restaurant services
75231	Data network services
75232	Electronic message and information services
84	Computer and related services
862	Accounting, auditing and book-keeping services
863	Taxation services
864	Market research and public opinion polls
872	Placement and supply services of personnel
874	Building-cleaning services
87501	Portrait photography services
87503	Action photography services
87504	Specialty photography services
87505	Photography processing services
87506	Motion picture processing services to the motion picture and television industries
87507	Restoration, copying and retouching services of photography
87509	Other photographic services
876	Packaging services
87903	Telephone answering services
87904	Duplicating services
87905	Translation and interpretation services
87906	Mailing list compilation and mailing services
94	Sewage and refuse disposal, sanitation and other environmental protection services (except for refuse collection in the offices of covered entities)
97	Other services (except for Codes: 97030 – Funeral, cremation and undertaking services and 97090 – Other services n.e.c.)
980	Private households with employed persons
99	Services provided by extraterritorial organizations and bodies

Notes to Section E

1. Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to:
 - (a) any procurement of public utilities services; or
 - (b) any procurement of services associated with the management and operation of government facilities and all privately owned facilities used for government purposes.

2. For CPC 75231, 75232, 84, commitments under Chapter 15 (Government Procurement) are available to a supplier of a Party who is, in case the procurement applies to enterprises, established and operates in Viet Nam under Vietnamese laws, or in case the procurement applies to an individual, an individual bearing Vietnamese nationality.

SECTION F: Construction Services

Chapter 15 (Government Procurement) shall cover all construction services procured by the entities listed in Section A and Section C listed in Division 51 of the United Nations Provisional Central Product Classification (CPC), except for the construction services excluded in the Schedule of the Party, subject to the Notes to the respective Sections, the General Notes, and the Notes to this Section.

Notes to Section F:

Chapter 15 (Government Procurement) shall not cover the procurement of:

1. dredging services;
2. construction in remote, mountainous and extremely difficult areas as stipulated in Viet Nam's regulations and on islands located beyond Viet Nam's territorial sea;
or
3. construction of ministerial level headquarters.

SECTION G: General Notes

1. Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to:
 - (a) build-operate-transfer contract and public works concession contract;
 - (b) any procurement for the purposes of developing, protecting or preserving national treasures of artistic, historic, archaeological value or cultural heritage;
 - (c) procurement of any goods and related services involving national reserves stipulated in the *Law on National Reserves* and any amendments thereof;
 - (d) any procurement involving any form of preference to benefit small and medium enterprises;
 - (e) measures for the health, welfare and the economic and social advancement of ethnic minorities;
 - (f) procurement funded by grants and sponsorship payments from persons not listed in this Annex;
 - (g) any procurement of goods and services inside the territory of Viet Nam, for the consumption outside the territory of Viet Nam;
 - (h) any procurement of goods and services involving national celebrations and religious purposes;
 - (i) transportation services that form a part of, or are incidental to, a procurement contract; or
 - (j) any procurement by a procuring entity from another government entity.

2. For greater certainty,
 - (a) limited tendering shall apply also to bomb and mine sweeping for land clearance;
 - (b) Chapter 15 (Government Procurement) shall not apply to any procurement made by a covered entity on behalf of a non-covered entity;

- (c) provided that it complies with Article 15.4 (General Principles), Viet Nam may adopt measures that discriminate in favour of suppliers of any Party offering the goods or services of any Party against those suppliers offering goods or services from non-Parties;
- (d) any exclusion that is related either specifically or generally to a procuring entity will also apply to any successor entity in such a manner as to maintain the value of this offer;
- (e) services covered by Chapter 15 (Government Procurement) are subject to exclusions from and reservations to Chapter 9 (Investment), Chapter 10 (Cross-Border Trade in Services) and Chapter 11 (Financial Services).,;
- (f) nothing in Chapter 15 (Government Procurement) shall be construed to prevent Viet Nam from adopting or maintaining any measure that it considers necessary for the protection of essential security interests, including national secrets, as defined in Vietnamese laws and regulations; and
- (g) this market access offer shall only apply to original signatories, namely Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore and the United States.

SECTION H: Threshold Adjustment Formula

1. The thresholds shall be adjusted in every even-numbered year with each adjustment taking effect on January 1, beginning on January 1 of the first even-numbered year after the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam.
2. Every two years, Viet Nam shall calculate and publish the value of the thresholds under Chapter 15 (Government Procurement) expressed in Viet Nam Dong. These calculations shall be based on the conversion rates published by the International Monetary Fund in its monthly *International Financial Statistics*.
3. The conversion rates shall be the average of the daily values of the Viet Nam Dong in terms of the Special Drawing Rights (SDR) over the two year period preceeding October 1 of the year before the adjusted thresholds are to take effect.
4. Viet Nam shall notify the other Parties of the current thresholds in Viet Nam Dong immediately after this Agreement enters into force for Viet Nam, and the adjusted thresholds in Viet Nam Dong thereafter in a timely manner.
5. Viet Nam shall consult if a major change in Viet Nam Dong relative to the SDR or to the national currency of another Party were to create a significant problem with regard to the application of Chapter 15 (Government Procurement).

SECTION I: Procurement Information

1. Notice of Intended Procurement is published in Viet Nam Public Procurement Newspaper (*Báo Đấu thầu*).
2. Viet Nam shall provide the address of website to publish procurement information after transitional period.

SECTION J: Transitional Measures

1. Notwithstanding the requirement in Article 15.7.2 (Notices of Intended Procurement), where notices of intended procurement are accessible by electronic means, they must be provided free of charge, Viet Nam may charge a fee for access to its notices of intended procurement, when these notices are accessible by electronic means, until Viet Nam's e-procurement system is operational and Viet Nam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system, provided that it complies with Article 15.4 (General Principles). During this transitional period, Viet Nam will periodically inform the Parties of the status of the development and implementation of its e-procurement system.

2. Notwithstanding the requirements in Article 15.7.3(g) and (h) (Notices of Intended Procurement) that a notice of intended procurement include a list and a brief description of any conditions for participation of suppliers and limitations on the number of qualified supplier to be invited to tender, Viet Nam may omit such information from its notices of intended procurement, until Viet Nam's e-procurement system is operational and Viet Nam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system. During this transitional period, Viet Nam shall provide such information in its tender documentation, provided that it complies with Article 15.4 (General Principles).

3. Notwithstanding the requirement in Article 15.14.3 (Time Periods) that a procuring entity provide 40 days for the final date for submission of tenders, Viet Nam may establish a final date for submission of tenders that is not less than 25 days from the date on which:

- (a) in the case of open tendering, the notice of intended procurement is published;
or
- (b) in the case of selective tendering, the entity notifies the suppliers that they will be invited to submit tenders,

until Viet Nam's e-procurement system is operational and Viet Nam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system, or seven years after the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam, whichever is earlier, provided that it complies with Article 15.4 (General Principles).

On request by Viet Nam, the Parties will give favourable consideration to the extension of the transitional period for up to a maximum of an additional three years period provided that Viet Nam has demonstrated concrete steps during the implementation period to comply with Article 15.14.3 (Time Periods).

4. Notwithstanding the requirements in Article 15.16.3(f) (Post-Award Information) that the post-award notice include a brief description of the circumstances justifying the use of a limited tendering procedure, Viet Nam may omit such information from post-award notices until Viet Nam's e-procurement system is operational and Viet Nam has issued a legal measure requiring all of its Section A procuring entities to use the e-procurement system. During this period, Viet Nam shall provide such information to a Party on request.

5. Notwithstanding Article 15.19 (Domestic Review), Viet Nam may delay application of its obligations under Article 15.19 (Domestic Review) for three years after the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam. During this period, Viet Nam shall allow suppliers of any Party to take complaints about the conduct of a covered procurement to the procuring entity, in accordance with the *Public Procurement Law*, provided that it complies with Article 15.4 (General Principles).

6. Notwithstanding Chapter 28 (Dispute Settlement), Viet Nam shall not be subject to dispute settlement with respect to its obligations under Chapter 15 (Government Procurement) for five years from the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam. During this transitional period, Viet Nam shall enter into consultations with any Party that raises concerns with the implementation of its obligations.

7. Transitional thresholds are applied as provided for in Sections A and C.

Offsets

8. Notwithstanding Article 15.4.6 (General Principles), Viet Nam is allowed to seek, take account of, impose or enforce any form of offsets at any stage of a procurement as follows:

(a) Upon the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam, Viet Nam may request offsets in any form, including a price preference programme, on up to 40 per cent of the annual value of total covered procurement, decreasing after 10 years to on up to 30 per cent of the annual value of total covered procurement, until the end of 25th year. The offset programme shall be eliminated from the beginning of the 26th year after the date of entry into force of this Agreement for Viet Nam.

(b) For greater certainty, subparagraph (a) does not limit the amount of offsets that Viet Nam may request on a contract that falls within the annual percentage of total covered procurement subject to offsets as indicated above.